

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/HĐND-TT
V/v Gửi Nghị quyết kỳ họp lần thứ tư
(bất thường) HĐND tỉnh khóa IX,
nhiệm kỳ 2016 - 2021

An Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Ban Công tác Đại biểu - Ủy Ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành liên quan có liên quan: Nội vụ, Nội vụ - Khu vực phía Nam; Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Thanh Tra Chính phủ; Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - Văn phòng Chính phủ; Vụ III - Văn phòng Chính phủ; Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; Website Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các sở, ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố;
- Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại tỉnh An Giang; Đài phát Thanh và truyền hình An Giang, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang; Báo An Giang; Báo nhân dân tại An Giang; Trung tâm Công báo tỉnh, Website tỉnh;

SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG AG	
ĐẾN	Số: 2476
	Ngày: 25-05-2017
Chuyên:	
Lưu Hồ Sơ Số:	

Tại kỳ họp lần thứ tư (bất thường) HĐND tỉnh diễn ra vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, các đại biểu HĐND tỉnh đã biểu quyết thông qua các Nghị quyết về nhân sự của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Nghị quyết khác có liên quan đến việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Căn cứ Điều 86, khoản 3, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 "Chậm nhất là mười ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Nghị quyết, báo cáo đề án phải gửi về trên ..."; khoản 4: "Nghị quyết của HĐND phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện; phải được đăng công báo địa phương, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương....";

Thừa lệnh Thường trực HĐND tỉnh, Chánh Văn phòng HĐND gửi đến Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ; Ban Công tác Đại biểu - Ủy ban thường vụ Quốc hội; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ; Các Bộ, Ngành trung ương có liên quan; Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực UBND tỉnh, Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh; các vị đại biểu HĐND tỉnh khóa IX; các sở, ban, ngành và Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố toàn bộ nội dung các Nghị quyết HĐND tỉnh đã được thông qua tại kỳ họp lần thứ tư. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh "báo cáo";
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTCQT- Y.

**TL. THƯỜNG TRỰC HĐND
CHÍNH VĂN PHÒNG**



Lê Thanh Dũng

Số: 01/2017/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức trích (tỷ lệ phần trăm) đối với các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức trích (tỷ lệ phần trăm) đối với các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy định mức trích (tỷ lệ phần trăm) đối với các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

1. Đối với Thanh tra tỉnh:

a) Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/năm;

b) Được trích thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/năm;

c) Được trích thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/năm.

2. Đối với Thanh tra các Sở và Thanh tra các huyện, thị xã, thành phố:

a) Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 02 tỷ đồng/năm;

b) Được trích thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 02 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng/năm;

c) Được trích thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 03 tỷ đồng/năm.

3. Về phạm vi, đối tượng áp dụng; Các khoản được trích; Thủ tục trích, nộp; Sử dụng kinh phí được trích; Lập dự toán, giao dự toán và quyết toán kinh phí được trích thực hiện theo quy định tại Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thanh tra Chính phủ;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVNAG, Báo Nhân dân tại AG; Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang; Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



Võ Anh Kiệt

Số: 02/2017/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND
ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh
về việc ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế
quản lý doanh nghiệp mới thành lập
trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp mới thành lập và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;

Xét Tờ trình số 248/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu thức phân công cơ quan thuế quản lý các doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2017. / *2*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVNAG, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang; Báo An Giang,
- Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



CHỦ TỊCH

Cell
Võ Anh Kiệt

Số: 03/2017/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động giám sát,
phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp
và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Xét Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát: Thanh toán công tác phí, tiền thuê chỗ ở nơi công tác, phương tiện phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội, thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các quy định của địa phương về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chi tổ chức hội nghị:

a) Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các quy định của địa phương về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo, ngoài các khoản chi theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các quy định của địa phương về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, được chi một số khoản sau:

- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/cuộc họp.
- Thành viên tham dự cuộc họp: 100.000 đồng/người/cuộc họp.
- Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng: 500.000 đồng/bài viết.

3. Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập:

Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Mức chi: 1.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.

4. Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các quy định của địa phương về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được quy định như sau:

- a) Trưởng đoàn giám sát: 120.000 đồng/người/ngày.
- b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/ngày.
- c) Các thành viên khác: 70.000 đồng/người/ngày.

5. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý) được quy định như sau:

- a) Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản.
- b) Cấp huyện: 1.500.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản.
- c) Cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản.

6. Các khoản chi khác: Trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phân biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực tế triển khai công việc, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

7. Về phạm vi, đối tượng áp dụng và các nội dung có liên quan khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phân biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2017. / *X*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVNAG, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang; Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



Võ Anh Kiệt

Số: 04/2017/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức chi bồi dưỡng đối với
người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại,
tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân;

Căn cứ Thông tư số 320/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Xét Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các trụ sở tiếp công dân và địa điểm tiếp công dân trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các trụ sở tiếp công dân và địa điểm tiếp công dân trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề, khi làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân được bồi dưỡng 100.000 đồng/1 ngày/1 người; trường hợp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thì được bồi dưỡng 80.000 đồng/1 ngày/1 người.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ được bồi dưỡng 50.000 đồng/1 ngày/1 người.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017, có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh. *./.*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thanh tra Chính phủ;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVNAG, Báo Nhân dân tại AG; Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang; Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



Wol
Võ Anh Kiệt

Số: 05/2017/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định chế độ, định mức chi tiêu tài
chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân
các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 251/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy định chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp (gồm cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng:

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các đối tượng khác phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

3. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Các khoản chi tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách khác đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách không do ngân sách bảo đảm thì cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc chi trả.

4. Nội dung và mức chi:

Nội dung và mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 5 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVNAG, Báo Nhân dân tại AG; Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang; Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



Võ Anh Kiệt

PHỤ LỤC

**Chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang**

theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
I	Chi hội nghị đóng góp dự thảo luật, pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật			
II	Chi cho công tác khảo sát, giám sát, thẩm tra, chính lý, hoàn thiện, kiểm tra nghị quyết					
1.	Chi xây dựng văn bản khảo sát, giám sát (kế hoạch khảo sát, giám sát; quyết định thành lập đoàn khảo sát, giám sát và đề cương khảo sát, giám sát) của Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	đồng/văn bản	300.000	200.000	100.000	
2	Xây dựng và hoàn thiện báo cáo khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, báo cáo thẩm tra và các báo cáo trình tại kỳ họp	đồng/báo cáo	500.000	400.000	300.000	
3	Chi bồi dưỡng đoàn giám sát, khảo sát					
a	Trưởng đoàn	đồng/người/ngày	200.000	150.000	100.000	
b	Thành viên và lãnh đạo các ngành	đồng/người/ngày	150.000	100.000	75.000	
c	Tổ giúp việc	đồng/người/ngày	100.000	80.000	60.000	
4	Chi thuê chuyên gia trong trường hợp giám sát, khảo sát đối với các lĩnh vực chuyên môn phức tạp cần	đồng/báo cáo	1.000.000	Không	Không	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	lấy ý kiến tư vấn					
5	Chi tham gia họp thẩm tra nghị quyết					
a	Chủ trì	đồng/người/ cuộc họp	150.000	100.000	80.000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/ cuộc họp	100.000	80.000	60.000	
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	đồng/văn bản	200.000	150.000	100.000	
6	Chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân thông qua	đồng/lần chỉnh lý/văn bản	200.000	150.000	100.000	
7	Ban pháp chế Hội đồng nhân dân thực hiện việc tự kiểm tra nghị quyết Hội đồng nhân dân cùng cấp	đồng/văn bản	100.000			
III	Chi tiếp xúc cử tri					
1	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống và các khoản chi khác theo quy định	đồng/điểm/l ượt tiếp xúc	2.000.000	Không	Không	
2	Chi hỗ trợ công tác phí tiếp xúc cử tri đối với đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm tiền ăn, nghỉ, xăng xe, phụ cấp lưu trú...)	đồng/người/ ngày	Thực hiện theo chế độ thanh toán công tác phí hiện hành			
3	Chi bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri	đồng/người/ buổi	100.000	80.000	60.000	
4	Chi bồi dưỡng viết báo cáo tổng hợp kết quả tiếp xúc cử tri					
a	Báo cáo theo nhóm tiếp xúc cử tri	đồng/báo cáo	300.000	150.000	100.000	
b	Báo cáo tổng hợp tiếp xúc cử tri	đồng/báo cáo	500.000	400.000	300.000	
5	Cán bộ, nhân viên tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri	đồng/người/ ngày	100.000	80.000	60.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	(không quá 02 người)					
IV	Chi cho công tác xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, nhiệm kỳ; xây dựng báo cáo Đảng đoàn Hội đồng nhân dân; báo cáo của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân hàng năm, nhiệm kỳ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương					
1	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm	đồng/văn bản	3.000.000	2.000.000	1.000.000	
2	Chi báo cáo Đảng đoàn Hội đồng nhân dân; báo cáo của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân hàng năm, nhiệm kỳ					
a	Chi báo cáo của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.500.000	Không	Không	
b	Chi báo cáo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.500.000	1.000.000	700.000	
c	Chi báo cáo hoạt động các Ban Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	700.000	500.000	
3	Chi xây dựng báo cáo của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của các cơ quan Trung ương	đồng/báo cáo	300.000	200.000	100.000	
V	Chi tổ chức cuộc họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân; họp thông qua báo cáo kết quả giám sát của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, thông qua báo cáo thẩm tra của các Ban					
1	Người chủ trì cuộc họp	đồng/người/ngày	200.000	150.000	80.000	
2	Thành viên dự họp	đồng/người/ngày	150.000	100.000	60.000	
3	Cán bộ phục vụ	đồng/người/ngày	100.000	80.000	60.000	
VI	Chi tổ chức phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân					
1	Chi xây dựng các văn bản của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua tại	đồng/văn bản	300.000	200.000	Không	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân					
2	Chi phục vụ phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân					
a	Người chủ trì phiên họp	đồng/người/ buổi	200.000	150.000	Không	
b	Thành viên dự họp	đồng/người/ buổi	150.000	100.000	Không	
c	Cán bộ phục vụ	đồng/người/ buổi	100.000	80.000	Không	
VII	Chi các kỳ họp, cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân					
1	Chi xây dựng, hoàn thiện các văn bản phục vụ kỳ họp, các Hội nghị, Hội thảo được tổ chức trong và ngoài tỉnh					
a	Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân; các văn bản: kế hoạch tổ chức kỳ họp, hướng dẫn thảo luận tổ tại huyện, thị xã, thành phố, biên bản kỳ họp, báo cáo tóm tắt kết quả kỳ họp, báo cáo đánh giá rút kinh nghiệm kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	400.000	300.000	
b	Báo cáo tham luận của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tại Hội nghị, Hội thảo được tổ chức trong và ngoài tỉnh	đồng/văn bản	500.000	Không	Không	
2	Chi phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân, hội thảo, sơ kết, tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân					
a	Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/ buổi	200.000	150.000	100.000	
b	Đoàn thư ký	đồng/người/ buổi	150.000	100.000	80.000	
c	Chi tiền ăn cho đại biểu, lãnh đạo các ngành,	đồng/người/ buổi	Thực hiện theo mức chi tổ chức hội nghị hiện hành			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
	chuyên viên, phóng viên, cán bộ phục vụ					
3	Chi hợp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trước kỳ họp					
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại diện cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và lãnh đạo các ngành cùng tham gia (cấp huyện, cấp xã)	đồng/người/buổi	150.000	100.000	Không	
b	Chi bồi dưỡng viết báo cáo tổng hợp kết quả họp tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trước kỳ họp và tổng hợp ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp	đồng/báo cáo	500.000	400.000	Không	
4	Chi họp giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố; giữa Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã	đồng/người/buổi	150.000	100.000	Không	
VIII	Chế độ hỗ trợ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp					
1	Chi phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo khi được bầu cử kiêm nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân					
a	Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân các cấp	người/tháng	10% tiền lương hiện hưởng (gồm hệ số lương + phụ cấp chức vụ + phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng của người giữ chức danh lãnh đạo kiêm nhiệm)			Cơ quan quản lý biên chế thực hiện việc chi trả phụ cấp kiêm nhiệm từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của cơ quan cùng kỳ với chi trả lương hàng tháng và không
b	Phó Trưởng các Ban	mức lương cơ sở/người/tháng	50%	40%	30%	
c	Ủy viên các Ban Hội đồng nhân dân	mức lương cơ sở/người/tháng	30%	20%	20%	
d	Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân	mức lương cơ sở/người/tháng	30%	20%	Không	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
		tháng				dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội
2	Sinh hoạt phí của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách)	mức lương cơ sở/người/tháng	0,5	0,4	0,3	
3	Chi tiếp công dân					
a	Chi bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân làm nhiệm vụ tiếp công dân, đại diện lãnh đạo các cơ quan có liên quan được phân công, mời tham gia tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	75.000	50.000	
b	Chi bồi dưỡng viết báo cáo đề xuất giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo trình cấp có thẩm quyền	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000	
4	Chi cho công tác xã hội					
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân khi bị ốm đau nằm viện	đồng/người/lần	Không quá 1.500.000	Không quá 1.000.000	Không quá 800.000	Mức chi cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định
b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo	đồng/người/lần	Không quá 4.000.000	Không quá 3.000.000	Không quá 2.000.000	
c	Đại biểu Hội đồng nhân dân và thân nhân của đại biểu Hội đồng nhân dân gồm: cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con từ trần được Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức thăm viếng	đồng/người	Không quá 1.500.000	Không quá 1.000.000	Không quá 800.000	
d	Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng các vị nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban Hội đồng nhân dân	đồng/người/lần	Không quá 2.000.000	Không quá 1.500.000	Không	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
d	Chế độ thăm hỏi đối với các đối tượng chính sách nhân dịp Lễ, Tết	đồng/người/lần	Không quá 1.000.000	Không quá 800.000	Không quá 500.000	
5	Một số chế độ khác					
a	Mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, mỗi đại biểu được hỗ trợ may trang phục	đồng/nhiệm kỳ/đại biểu	5.000.000	3.500.000	2.500.000	
b	Chế độ tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu	3.000.000	2.000.000	1.500.000	
c	Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ chi phí khám sức khỏe	2 lần/nhiệm kỳ/đại biểu	Theo thực tế nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/lần khám sức khỏe			
d	Đại biểu Hội đồng nhân dân được đi học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu	2 lần/nhiệm kỳ/đại biểu	Thực hiện theo chế độ thanh toán công tác phí hiện hành			
đ	Chi hỗ trợ cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân	đồng/tháng/đại biểu	200.000	150.000	80.000	
e	Chi khen thưởng cho đại biểu Hội đồng nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	người/nhiệm kỳ	Theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng			
IX	Chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân không chuyên trách mà không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội					
1	Chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân	mức lương cơ sở/ngày/đại biểu	0,14	0,12	0,1	
2	Chi hỗ trợ bảo hiểm y tế	người/năm	Được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế			

Số: 01/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung
Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang,
khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 02/TTr-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết bằng phiếu kín của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Biên bản kiểm phiếu ngày 19 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu bổ sung Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021:

Ông Đỗ Tấn Kiệt, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, đơn vị bầu cử số 01, thành phố Long Xuyên.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày ký. *././*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Nội vụ - Khu vực phía Nam;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội - đơn vị tỉnh An Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Cơ quan thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-P.



Số: 02/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Phó Trưởng Ban pháp chế
Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 03/TTr-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm Phó Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết bằng phiếu kín của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Biên bản kiểm phiếu ngày 19 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm Phó Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Hồ Chánh Giám, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị bầu cử số 06, huyện Châu Phú.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Nội vụ - Khu vực phía Nam;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội - đơn vị tỉnh An Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Cơ quan thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-P.



Võ Anh Kiệt

Số: 05/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Phó Trưởng Ban kinh tế - ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 04/TTr-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm Phó Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết bằng phiếu kín của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Biên bản kiểm phiếu ngày 19 tháng 5 năm 2017,

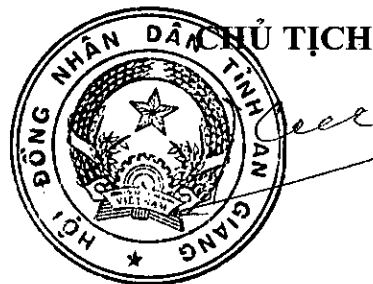
QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Miễn nhiệm Phó Trưởng Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Huỳnh Hữu Đức, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đơn vị bầu cử số 14, thị xã Tân Châu.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày ký. *✓*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Nội vụ - Khu vực phía Nam;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội - đơn vị tỉnh An Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Cơ quan thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-P.



Võ Anh Kiệt

Số: 04/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả bầu bổ sung
Phó Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh,
khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 06/TTr-HĐND ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung Phó Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết bằng phiếu kín của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Biên bản kiểm phiếu ngày 19 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT NGHỊ:

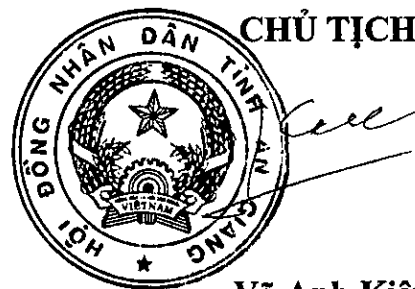
Điều 1. Xác nhận kết quả bầu bổ sung Phó Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021:

Ông Huỳnh Hữu Đức, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, đơn vị bầu cử số 14, thị xã Tân Châu.

Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Nội vụ - Khu vực phía Nam;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - Văn phòng Chính phủ
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Cơ quan thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG;
- Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-P.



CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt

Số: 05/NQ-HĐND

An Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, 2 Điều 1 của Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2017

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 300/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán kinh phí phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, 2 Điều 1 của Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2017, cụ thể:

1. Thu ngân sách nhà nước (NSNN):

a) Tổng thu NSNN từ kinh tế trên địa bàn : 5.335.000 triệu đồng.

- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu : 105.000 triệu đồng.
- Thu nội địa : 5.230.000 triệu đồng.
- + Các khoản thu cân đối NSNN : 5.230.000 triệu đồng.
- + Thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí) : 0 triệu đồng.

Phân chia theo các cấp ngân sách, cụ thể như sau:

- **Cấp tỉnh** : **3.623.600 triệu đồng,**
- + Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu : 105.000 triệu đồng.
- + Thu nội địa : 3.518.600 triệu đồng.
- * Các khoản thu cân đối NSNN : 3.518.600 triệu đồng.
- * Thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí) : 0 triệu đồng.

- **Cấp huyện** : **1.533.175 triệu đồng.**
- * Thu cân đối ngân sách : 1.533.175 triệu đồng.
- * Thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí) : 0 triệu đồng.

- **Cấp xã** : **178.225 triệu đồng.**
- * Thu cân đối ngân sách : 178.225 triệu đồng.

b) Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) : 11.748.153 triệu đồng.

- Các khoản thu cân đối ngân sách : 11.748.153 triệu đồng.
- + Thu từ kinh tế trên địa bàn NSDP được hưởng : 4.851.700 triệu đồng.
- + Thu bổ sung từ ngân sách trung ương : 6.896.453 triệu đồng.
- Thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí) : 0 triệu đồng.

Phân chia theo các cấp ngân sách, cụ thể như sau:

- **Cấp tỉnh** : **6.220.912 triệu đồng.**
- + Thu cân đối ngân sách : 6.220.912 triệu đồng.
- * Thu từ kinh tế địa bàn : 3.221.570 triệu đồng
- * Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên : 2.999.342 triệu đồng.
- + Thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí) : 0 triệu đồng.

- **Cấp huyện** : **4.503.665 triệu đồng.**
- + Thu cân đối ngân sách : 4.503.665 triệu đồng.
- * Thu từ kinh tế địa bàn : 1.451.905 triệu đồng
- * Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên : 3.051.760 triệu đồng.
- + Thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí) : 0 triệu đồng.

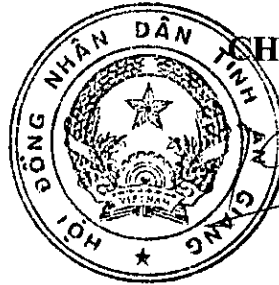
- Cấp xã	: 1.023.576 triệu đồng.
+ Thu cân đối ngân sách	: 1.023.576 triệu đồng.
* Thu từ kinh tế địa bàn	: 178.225 triệu đồng.
* Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	: 845.351 triệu đồng.
2. Tổng chi ngân sách địa phương	:11.736.833 triệu đồng.
a) Các khoản chi cân đối ngân sách	:11.736.833 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển	: 3.520.926 triệu đồng.
- Chi thường xuyên	: 7.997.937 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	: 1.170 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách	: 216.800 triệu đồng.
b) Chi từ các nguồn thu để lại quản lý qua NSNN:	0 triệu đồng.
<i>Phân chia theo các cấp ngân sách, cụ thể như sau:</i>	
Cấp tỉnh	: 6.209.592 triệu đồng.
- Các khoản chi cân đối ngân sách	: 6.209.592 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển	: 3.130.914 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	: 2.970.928 triệu đồng.
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	: 1.170 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	: 106.580 triệu đồng.
- Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN	: 0 triệu đồng.
Cấp huyện	: 4.503.665 triệu đồng.
- Các khoản chi cân đối ngân sách	: 4.503.665 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển	: 390.012 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	: 4.023.511 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	: 90.142 triệu đồng.
- Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua NSNN	: 0 triệu đồng.
Cấp xã	: 1.023.576 triệu đồng.
- Các khoản chi cân đối ngân sách	: 1.023.576 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	: 1.003.498 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	: 20.078 triệu đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh An Giang và phân bổ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; ngân sách cấp huyện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Website Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVNAG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm công báo tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt



PHỤ LỤC SỐ 01
NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017 TỈNH AN GIANG
PHÂN THEO CẤP NGÂN SÁCH

(Kèm theo Nghị Quyết số 05 /NQ-HĐND

tháng 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	BỘ TÀI CHÍNH GIAO	HĐND TỈNH GIAO	Chia ra các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3 = 4+5+6	4	5	6
TỔNG THU NSNN TỪ KINH TẾ ĐỊA BÀN (A+B)	5,202,000	5,335,000	3,623,600	1,533,175	178,225
A. THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	105,000	105,000	105,000	0	0
1. Thuế xuất, nhập khẩu	35,000	35,000	35,000		
2. Thuế giá trị gia tăng	70,000	70,000	70,000		
B. THU NỘI ĐỊA	5,097,000	5,230,000	3,518,600	1,533,175	178,225
I. Thu cân đối ngân sách	5,097,000	5,230,000	3,518,600	1,533,175	178,225
Không kể tiền sử dụng đất	4,797,000	4,930,000	3,350,200	1,401,575	178,225
1. Thu từ XNQD trung ương	339,900	339,900	339,700	200	0
- Thuế giá trị gia tăng	233,900	233,900	233,830	70	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,000	22,000	21,870	130	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	77,500	77,500	77,500		
- Thuế tài nguyên	6,500	6,500	6,500		
2. Thu từ các XNQD địa phương	579,700	579,700	564,730	14,970	0
- Thuế giá trị gia tăng	244,550	244,550	233,305	11,245	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	270,000	270,000	266,275	3,725	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	150	150	150		
- Thuế tài nguyên	65,000	65,000	65,000		
3. Thu từ XNLD với nước ngoài	30,000	30,000	30,000	0	0
- Thuế giá trị gia tăng	24,540	24,540	24,540		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,000	4,000	4,000		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	120	120	120		
- Tiền thuế mặt đất, mặt nước	1,340	1,340	1,340		
4. Thuế ngoài quốc doanh	1,145,100	1,145,100	440,400	704,700	0
- Thuế giá trị gia tăng	859,100	859,100	299,185	559,915	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	271,000	271,000	141,090	129,910	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	4,000	4,000		4,000	
- Thuế tài nguyên	11,000	11,000	125	10,875	
5. Lệ phí trước bạ	240,000	240,000		198,000	42,000
6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,000	10,000			10,000
7. Thuế thu nhập cá nhân	460,000	460,000	238,000	222,000	
8. Thu thuế Bảo vệ môi trường	355,000	355,000	355,000	0	0
- Thu từ hàng hóa NK (trung ương hưởng 100%)	223,000	223,000	223,000		
- Thu từ hàng hóa SX trong nước (ĐP hưởng 100%)	132,000	132,000	132,000		
9. Thu phí và lệ phí	110,000	243,000	44,500	97,275	101,225
- Lệ phí môn bài		23,000	1,100	16,180	5,720
- Phí và lệ phí trung ương	24,000	24,000	5,500	18,500	
- Phí và lệ phí tỉnh		37,900	37,900		
- Phí và lệ phí huyện		62,595		62,595	
- Phí và lệ phí xã (đò, chợ, khác)		95,505			95,505
10. Thu tiền sử dụng đất	300,000	300,000	168,400	131,600	
11. Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước	71,000	71,000	9,620	61,380	
12. Các khoản thu tại xã	25,000	25,000	0	0	25,000
- Quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	25,000	17,800			17,800
- Thu phạt VPHC các lĩnh vực khác		6,200			6,200
- Các khoản khác		1,000			1,000
13. Thu khác	241,300	241,300	138,250	103,050	0
- Thu phạt Vi phạm hành chính (VPHC)	131,300	158,400	98,200	60,200	0
+ TW hưởng	131,300	131,300	83,700	47,600	
+ ĐP hưởng		27,100	14,500	12,600	
- Thu từ hoạt động CBL, kinh doanh trái pháp luật		11,000	6,000	5,000	
- Các khoản khác		71,900	34,050	37,850	
14. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	12,000	12,000	12,000		
15. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1,000	1,000	1,000		

NỘI DUNG	BỘ TÀI CHÍNH GIAO	HỆND TỈNH GIAO	Chia ra các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3 = 4+5+6	4	5	6
16. Thu Xổ số kiến thiết	1,177,000	1,177,000	1,177,000		
II. CÁC KHOẢN THU QL QUA NSNN (Học phí)		0	0	0	
THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11,615,153	11,748,153	6,220,912	4,503,665	1,023,576
I. THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	11,615,153	11,748,153	6,220,912	4,503,665	1,023,576
1. Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	4,718,700	4,851,700	3,221,570	1,451,905	178,225
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6,896,453	6,896,453	2,999,342	3,051,760	845,351
a) Thu bổ sung cân đối	5,998,711	5,998,711	2,101,600	3,051,760	845,351
b) Thu bổ sung có mục tiêu (BSMT)	889,142	889,142	889,142	0	0
- Chương trình mục tiêu quốc gia	138,466	138,466	138,466		
+ CT giảm nghèo bền vững	26,466	26,466	26,466		
+ CT xây dựng nông thôn mới	112,000	112,000	112,000		
- Các mục tiêu khác	750,676	750,676	750,676		
c) Bổ sung vốn phân giới cắm mốc	8,600	8,600	8,600		
II. CÁC KHOẢN THU QL QUA NSNN (Học phí)	0	0	0	0	0
BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11,320	11,320			
Trong đó : + Thu cân đối NSĐP (không kể số BSMT từ N	10,717,411	10,850,411			
+ Chi cân đối NSĐP	10,706,091	10,839,091			

PHỤ LỤC SỐ 02
NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017 TỈNH AN GIANG
PHÂN THEO CẤP NGÂN SÁCH



Kèm theo Nghị Quyết số 05/NQ-HDND
ngày 5 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

ĐVT: triệu đồng

NỘI DUNG	BỘ TÀI CHÍNH GIAO	HĐND TỈNH GIAO	Chia ra các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3 = 4+5+6	4	5	6
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11,603,833	11,736,833	6,209,592	4,503,665	1,023,576
A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	11,603,833	11,736,833	6,209,592	4,503,665	1,023,576
I. Chi đầu tư phát triển	3,520,926	3,520,926	3,130,914	390,012	0
1. Nguồn vốn tập trung trong nước	1,216,060	1,216,060	957,648	258,412	
2. Nguồn thu tiền sử dụng đất	300,000	300,000	168,400	131,600	
3. Nguồn xổ số kiến thiết	1,177,000	1,177,000	1,177,000		
4. Nguồn mục tiêu từ ngân sách TW	827,866	827,866	827,866		
a) Nguồn bổ sung có mục tiêu	727,796	727,796	727,796		
- Vốn ngoài nước	385,300	385,300	385,300		
- Vốn trong nước	342,496	342,496	342,496		
b) Nguồn CT mục tiêu quốc gia	100,070	100,070	100,070		
- CT giảm nghèo bền vững	17,070	17,070	17,070		
- CT xây dựng nông thôn mới	83,000	83,000	83,000		
II. Chi thường xuyên	7,869,377	7,997,937	2,970,928	4,023,511	1,003,498
1. Chi sự nghiệp kinh tế		926,663	467,808	454,860	3,995
- Chi sự nghiệp nông nghiệp		83,888	83,888		
- Chi sự nghiệp lâm nghiệp		7,999	7,999		
- Chi sự nghiệp thủy lợi		204,712	101,383	103,329	
- Chi sự nghiệp tài nguyên - địa chính		15,790	10,000	5,790	
- Chi sự nghiệp giao thông		85,020	39,910	45,110	
- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính		50,430		50,430	
- Chi công tác an toàn giao thông		23,377	10,000	9,382	3,995
- Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa		251,576	125,787	125,789	
- Chi HĐ các đơn vị sự nghiệp KT		73,811	49,861	23,950	
- Chi mục tiêu trợ giúp pháp lý QĐ 32	380	380	380		
- Chi quy hoạch, sự nghiệp kinh tế khác		121,080	30,000	91,080	
- Chi hoạt động phân giới cắm mốc	8,600	8,600	8,600		
2. Chi sự nghiệp văn xã		4,886,840	1,858,827	2,996,813	31,200
- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	3,323,713	3,323,713	772,337	2,542,016	9,360
- Chi sự nghiệp y tế		878,180	873,980	4,200	
- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	30,670	30,670	30,670		
- Chi sự nghiệp văn hóa		84,223	51,570	27,661	4,992
- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình		38,954	9,714	26,432	2,808
- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao		71,052	44,678	18,574	7,800
- Chi đảm bảo xã hội		440,048	55,878	377,930	6,240
- Chi sự nghiệp văn xã khác		20,000	20,000		
3. Chi quản lý hành chính		1,458,753	359,840	398,275	700,638
- Chi quản lý nhà nước		784,702	193,957	200,108	390,637
- Chi khối Đảng		263,716	57,977	100,752	104,987
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể		261,285	38,006	63,915	159,364
- Chi đặc thù QLHC		129,050	49,900	33,500	45,650

NỘI DUNG	BỘ TÀI CHÍNH GIAO	HĐND TỈNH GIAO	Chia ra các cấp ngân sách		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	2	3 = 4+5+6	4	5	6
Trong đó : Kinh phí MSSC lớn		46,500	30,000	16,500	
- Chi QLHC khác		20,000	20,000		
4. Chi an ninh, qu ốc phòng địa phương		298,305	74,227	40,830	183,248
5. Chi sự nghiệp hoạt động môi trường	78,200	171,806	75,000	87,730	9,076
6. Chi khác ngân sách		194,673	74,330	45,003	75,340
7. Chi mục tiêu từ ngân sách TW bổ sung	60,896	60,896	60,896		
- Chương trình mục tiêu quốc gia	38,396	38,396	38,396		
- Chi mục tiêu vốn ngoài nước (ghi thu, ghi chi)	22,500	22,500	22,500		
III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,170	1,170	1,170		
IV. Dự phòng ngân sách	212,360	216,800	106,580	90,142	20,078
B. CHI TỪ NGUỒN THU QL QUA NSNN		0	0	0	0
NGOÀI BẢNG					
1. Bội thu NSDP (a - b)	11,320	11,320	11,320		
a) Thu NSDP (không bao gồm thu BSMT từ NS)	10,717,411	10,850,411	5,323,170		
b) Chi cân đ ối NSDP	10,706,091	10,839,091	5,311,850		
2. Chi trả nợ gốc	264,970	264,970	264,970		
- Vay trả nợ gốc	253,650	253,650	253,650		
- Bội thu NSDP	11,320	11,320	11,320		
3. Tổng số vay trong năm	253,650	253,650	253,650		
- Vay trong nước (CT KCHKM)	243,770	243,770	243,770		
- Vay từ nguồn CP vay về cho vay lại	9,880	9,880	9,880		
4. Tổng mức vay NSDP theo Luật NSNN	943,740	970,340	970,340		

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến Chương trình giám sát của
Hội đồng nhân dân năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 4 (BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 05/TTr-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Thường trực HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2018 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân năm 2018 như sau:

I. Giám sát tại kỳ họp: Do đại biểu HĐND thực hiện giám sát

1. Kỳ họp giữa năm: tập trung các nội dung

- Việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm; xem xét quyết định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2018.

- Kết quả thực hiện chương trình giám sát năm 2017 và dự kiến chương trình giám sát năm 2019.

- Kết quả việc thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của HĐND.

- Xem xét và cho ý kiến về các tờ trình, đề án và dự thảo nghị quyết (theo nghị quyết về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ HĐND năm 2018), các báo cáo của UBND tỉnh, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh...

- Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND, các thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

2. Kỳ họp cuối năm: tập trung các nội dung

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2018 và nhiệm vụ năm 2019.

- Xem xét và cho ý kiến về thực hiện thu, chi ngân sách năm 2018 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2019.

- Kết quả thực hiện các Nghị quyết chuyên đề.

- Xem xét và cho ý kiến về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước địa phương năm 2017.

- Xem xét và cho ý kiến về các tờ trình, đề án và dự thảo nghị quyết (theo nghị quyết về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ HĐND năm 2018), các báo cáo của UBND tỉnh, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh...

- Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND, các thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

II. GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ HĐND, GIÁM SÁT GIỮA 2 KỲ HỌP CỦA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HĐND TỈNH NĂM 2018:

1. Giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh:

1.1 Dự kiến tháng 3/2018

a) Nội dung:

- Việc phát huy và nâng chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới (các xã đã được công nhận).

- Việc thực hiện các công trình, chương trình trọng điểm phục vụ cho việc xây dựng huyện nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Việc thực hiện lộ trình xây dựng nông thôn mới đối với các huyện dự kiến đạt chuẩn trong năm 2018.

- Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng giám sát: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn.

1.2 Dự kiến tháng 8/2018

a) Nội dung: Tiến độ thực hiện tự chủ tài chính trong các cơ sở khám chữa bệnh công lập.

b) Đối tượng giám sát: Sở Tài chính.

2. Giám sát của Thường trực HĐND:

2.1. Trước kỳ họp giữa năm:

a) Nội dung:

- Tình hình triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết HĐND về phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2018.

- Củng cố, nâng chất hoạt động của các Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã.

b) Thời gian: dự kiến tháng 6/2018.

c) Đối tượng giám sát: Liên minh Hợp tác xã, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.2. Trước kỳ họp cuối năm:

a) Nội dung:

- Tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết HĐND về phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính.

b) Thời gian: dự kiến tháng 11/2018.

c) Đối tượng giám sát: Sở Nội vụ.

3. Giám sát của các Ban HĐND:

3.1. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

a) Trước kỳ họp giữa năm:

*** Nội dung:**

- Kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về phòng chống HIV/AIDS.

- Việc thực hiện chính sách pháp luật đối với người có công

*** Thời gian:** dự kiến tháng 5/2018.

*** Đối tượng giám sát:** Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

b) Trước kỳ họp cuối năm:

*** Nội dung:**

- Tình hình triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh An Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án thí điểm “Sáp nhập và thành lập Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020”.

*** Thời gian:** dự kiến tháng 10/2018.

*** Đối tượng giám sát:** Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

3.2. Lĩnh vực kinh tế - ngân sách:

a) Trước kỳ họp giữa năm:

*** Nội dung:**

- Việc thực hiện Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Công tác quản lý nhà nước về thu, chi ngân sách; công tác thu hồi nợ đọng; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Các giải pháp để góp phần tăng nguồn thu, tiến tới tự chủ cân đối, thu, chi ngân sách đến năm 2020.

*** Thời gian:** dự kiến tháng 5/2018.

*** Đối tượng giám sát:** Sở Tài chính.

b) Trước kỳ họp cuối năm:

*** Nội dung:**

- Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

*** Thời gian:** dự kiến tháng 10/2018.

*** Đối tượng giám sát:** Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh An Giang; Ngân hàng nhà nước chi nhánh An Giang.

3.3. Lĩnh vực pháp chế:

a) Trước kỳ họp giữa năm:

*** Nội dung:**

- Công tác thi hành án dân sự.

- Công tác quản lý hoạt động bổ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác lập lại trật tự đô thị.

*** Thời gian:** dự kiến tháng 5/2018.

*** Đối tượng giám sát:** Cục Thi hành án dân sự, Sở Tư pháp; UBND thành phố Long Xuyên.

b) Trước kỳ họp cuối năm:

*** Nội dung:**

- Công tác kiểm sát chấp hành pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

- Công tác lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc và trường giáo dưỡng.


* **Thời gian:** dự kiến tháng 10/2018.

* **Đối tượng giám sát:** Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

Tùy vào tình hình thực tế và những vấn đề bức xúc phát sinh trong từng thời điểm, HĐND, Thường trực, các Ban HĐND có thể thay đổi chương trình giám sát và sẽ tổ chức đoàn khảo sát để nắm tình hình tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Giao Thường trực, các Ban HĐND sẽ phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và các cơ quan hữu quan giám sát các nội dung thuộc lĩnh vực có liên quan trên địa bàn tỉnh theo chương trình khi có đề nghị.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thứ 4 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo AG, Đài PT-TH AG, Website tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Nh.



Võ Anh Kiệt